

VIBF

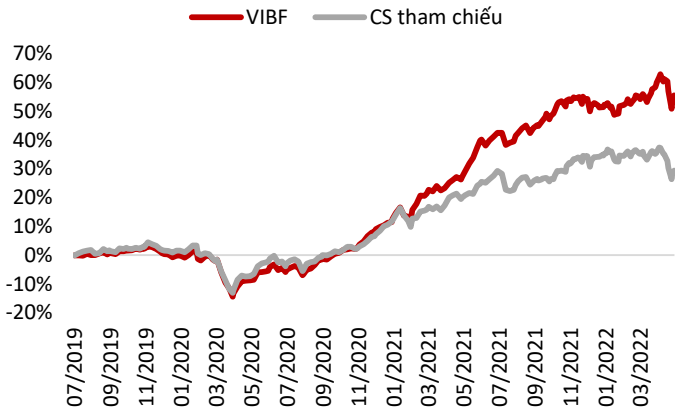
Chiến lược đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là giúp nhà đầu tư tiếp cận được những cổ phiếu tiềm năng đồng thời đầu tư vào trái phiếu để giảm thiểu rủi ro biến động giá. Chiến lược phân bổ của Quỹ là 50:50.

Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào danh mục các cổ phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, có thị phần lớn, năng lực quản trị tốt, tình hình tài chính vững mạnh và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của công ty.

Quỹ cũng sẽ đầu tư vào trái phiếu, giấy tờ có giá và các sản phẩm có thu nhập cố định khác được phát hành bởi những công ty uy tín, có lợi nhuận bền vững và khả năng đáp ứng nguồn vốn tốt, trong khi vẫn đáp ứng được tỷ suất sinh lời yêu cầu của nhà đầu tư.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VIBF

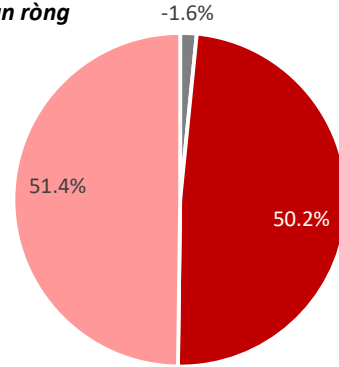
	VIBF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	703.1	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	15,546.1	
Lợi nhuận tháng 04/2022 (%)	(2.8)	(4.0)
Lợi nhuận từ đầu năm 2022 (%)	2.1	(3.5)
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	N/A	N/A
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập (%)	16.9	9.5
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	55.5	29.4

*CSTC: Chỉ số tham chiếu (Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



■ Tiền mặt ròng ■ CD & Trái phiếu & Tiền gửi NH ■ Cổ phiếu

Thông tin quỹ

Ngày thành lập	2/7/2019
Phí quản lý	1.75%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng 1.5% >= 12 tháng 0.5% >= 24 tháng
Mức đầu tư tối thiểu	2.000.000 VNĐ / ~90USD
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hàng tuần
Chỉ số tham chiếu (CSTC)	Bình quân của VN-Index và lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank

Chỉ số danh mục cổ phiếu

	VIBF	CSTC
P/E (x) (*)	12.3	14.9
P/B (x) (*)	2.9	2.3
ROE (%) (*)	23.0	15.8
Lợi suất cổ tức (%)	1.3	1.2
Số lượng chứng khoán (%)	20	408

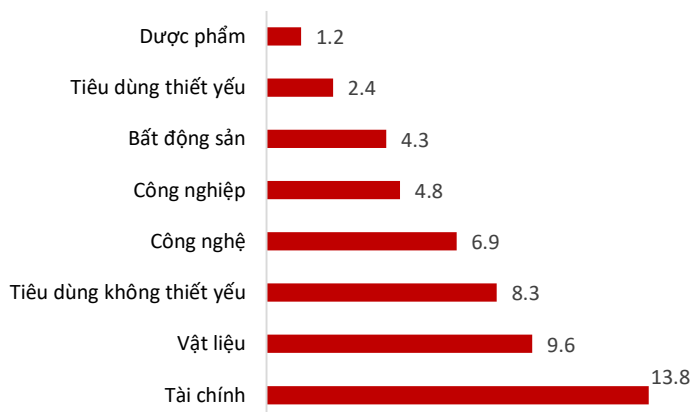
Chỉ số danh mục trái phiếu

Thời gian đáo hạn bình quân (năm)	0.9
Lợi suất khi đáo hạn (%)	6.9

Nguồn: Bloomberg, dự báo của VinaCapital

Phân bổ theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Danh mục đầu tư lớn

Tên	Ngành	Tỷ trọng (%)	
Cổ phiếu	FPT	Công nghệ	6.9
	MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	5.7
	MBB	Tài chính	5.4
	DPR	Vật liệu	3.9
	REE	Công nghiệp	3.6
Trái phiếu	MSN12003	Tiêu dùng thiết yếu	9.1
	KBC121020	Bất động sản	4.7
	SBT121002	Tiêu dùng thiết yếu	4.3

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Lãi suất liên ngân hàng tháng 4 tiếp tục tăng do tăng trưởng tín dụng tiếp tục tăng cao. Tính tới ngày 25/4, tăng trưởng tín dụng đạt 6,75% so với đầu năm, tương đương 16,4% so với cùng kỳ năm trước. NHNN phần nào hỗ trợ thanh khoản thông qua thị trường OMO với khoảng 1,3 nghìn tỷ đồng được bơm ra hệ thống để hỗ trợ thanh khoản. Do đó, lãi suất liên ngân hàng đóng cửa tại 2,3% một năm với kỳ hạn qua đêm (tăng 27,5 điểm cơ bản so với tháng trước và tăng 146,3 điểm cơ bản so với cùng kỳ); và đóng cửa tại 2,6% một năm (tăng 42,5 điểm cơ bản so với tháng trước và tăng 154,9 điểm cơ bản) với kỳ hạn 1 tuần.

Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tiếp tục tăng đều các kỳ hạn, đi theo diễn biến lãi suất trên thị trường quốc tế. Cụ thể, lợi suất trái phiếu tăng khoảng 21-59 điểm cơ bản so với tháng trước, và tăng từ 30-136 điểm cơ bản so với đầu năm với đường cong lợi suất trở nên phẳng hơn với lợi suất các kỳ hạn ngắn tăng nhanh hơn. Trên thị trường sơ cấp, KBNN trong tháng phát hành chỉ đạt 4,6 nghìn tỷ đồng TPCP, giảm 47,6% so với tháng và giảm 82,4% so với cùng kỳ; và cũng là tháng phát hành thấp nhất kể từ tháng 2/2021. Trong đó, 14 trên 20 đợt đấu thầu không thành công do cả lực cầu và cung đều yếu.

Cập nhật thị trường và quỹ VIBF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU (tiếp tục)

Giá trị chào thầu giảm 26,3% so với tháng trước và giảm 33,3% so với cùng kỳ; trong khi đó tỷ lệ đặt thầu cũng chỉ đạt 1,6 lần so với mức 2,0 lần tại tháng 3. Do đó, lãi suất trúng thầu chỉ tăng khoảng 8 điểm cơ bản so với tháng trước ở trái phiếu kỳ hạn 10 năm và 15 năm. Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, do những vi phạm trong phát hành trái phiếu gần đây, phát hành trái phiếu ngành bất động sản gần như đóng băng trong tháng 4. Do đó chỉ có khoảng 20,7 nghìn tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp được phát hành trong tháng, giảm 65,1% so với cùng kỳ. Nhóm ngành ngân hàng và dịch vụ tài chính xếp vị trí thứ nhất và thứ hai về giá trị phát hành; chiếm 86% và 5,3%. Trong khi nhóm ngành bất động sản chỉ chiếm 2,2% tỷ trọng phát hành.

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

Thị trường chứng khoán Việt Nam giảm 8,4% trong tháng 4 trước một loạt các thông tin về việc Cục dự trữ liên bang Mỹ Fed tăng lãi suất, tình hình chiến sự giữa Nga và Ukraina, việc điều tra các vi phạm trên thị trường chứng khoán và chính sách zero-COVID của Trung Quốc. Tính từ đầu năm, chỉ số VN Index đã giảm 8,8%. Thị trường chứng khoán thế giới cũng biến động mạnh. Chỉ số MSCI World Index và S&P 500 giảm 8,1% và 8,8% trong tháng 4.

Tâm lý thị trường trong nước khá thận trọng. Giá trị giao dịch trung bình trên cả ba sàn giảm xuống còn 26,3 nghìn tỷ đồng/phiên trong tháng 4, thấp hơn 19% so với tháng 3 và là mức thấp nhất trong 9 tháng gần nhất. Điểm tích cực là nhà đầu tư nước ngoài trở lại mua ròng sau 8 tháng liên tiếp bán ròng với giá trị mua ròng 4.019 tỷ đồng, tính trên cả 3 sàn. Một điểm tích cực nữa là kết quả kinh doanh quý 1 của các doanh nghiệp niêm yết. Theo báo cáo tài chính quý 1 đã được công bố, tổng lợi nhuận ròng của các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE tăng 30% so với cùng kỳ năm trước.

Nền kinh tế tiếp tục phục hồi nhanh trong tháng 4. Chỉ số sản xuất công nghiệp và tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trong tháng 4 tăng 9,4% và 12,1% so với cùng kỳ năm trước, đưa mức tăng trưởng trong 4 tháng đầu năm (4T 2022) lên 7,5% và 6,5%. Xuất khẩu và nhập khẩu tăng 16,4% và 15,7% trong 4T 2022 so với cùng kỳ năm trước, đạt 122,4 tỷ USD và 119,8 tỷ USD, mang lại thặng dư thương mại 2,5 tỷ USD. Chỉ số quản trị mua hàng (PMI) vẫn ở mức 51,7 trong tháng 4, tuy nhiên các doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết chi phí đầu vào tiếp tục tăng mạnh và thời gian giao hàng của nhà cung cấp bị kéo dài do tình hình COVID-19 tại Trung Quốc và cuộc chiến tại Ukraina.

Việc thị trường chứng khoán giảm trong tháng 4 đã đưa nhiều cổ phiếu về mức định giá hấp dẫn cho đầu tư dài hạn. Tại thời điểm cuối tháng 4, chỉ số VN Index đang được giao dịch ở mức P/E 2022 là 13 lần, thấp hơn hẳn so với trung bình 5 năm gần nhất (15,9 lần), trong khi tổng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết được dự báo sẽ tăng trưởng 20% trong năm 2022. Chúng tôi cho rằng thời điểm hiện tại rất phù hợp cho các nhà đầu tư dài hạn gia tăng tỷ trọng nắm giữ cổ phiếu.

CẬP NHẬT QUỸ VIBF

NAV trên mỗi CCQ đã giảm 2,8% so với tháng trước, giảm ít hơn so với mức giảm chỉ số tham chiếu. Một số cổ phiếu nắm giữ mang lại lợi nhuận tích cực, bao gồm MWG (+2,3%), REE (+2,0%), ILB (+3,6%), DGC (+5,7%), trong khi một số mã như MBB (-9,6%), TCB (-11,2%) là những cổ phiếu có tác động tiêu cực lên danh mục.

MWG tăng trong tháng nhờ thông tin BHX sẽ IPO trong 1-2 năm tới và điều này có thể hỗ trợ định giá công ty. Lợi nhuận Q1/2022 khá tốt với tăng trưởng 8% so với cùng kỳ. REE gây bất ngờ cho thị trường với KQKD Q1 tăng trưởng 67% nhờ sự tăng trưởng của các nhà máy thủy điện và đóng góp từ các nhà máy điện gió đi vào hoạt động kể từ Q4 2021. ILB ghi nhận lợi nhuận ròng ấn tượng với 52% tăng trưởng nhờ nhu cầu kho bãi tăng cao và tiết kiệm chi phí. Mặc dù có sự biến động của thị trường, chúng tôi vẫn lạc quan vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong dài hạn và sẽ theo dõi chặt chẽ danh mục đầu tư của mình để vượt qua những khó khăn trong nước và toàn cầu đã nêu ở trên.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Lợi nhuận từ đầu năm
2020	-1.31%	-0.60%	-12.68%	6.58%	3.66%	-0.42%	-0.95%	5.55%	2.40%	1.61%	5.70%	3.96%	12.67%
2021	-0.41%	8.27%	1.46%	3.33%	9.86%	1.91%	-0.71%	1.97%	2.90%	3.85%	-0.23%	-1.03%	35.22%
2022	-0.10%	1.93%	3.11%	-2.76%									2.10%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga gồm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.